

**VỀ VIỆC LỒNG GHÉP CÁC NỘI DUNG, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU
BIỂN CỦA VIỆT NAM VÀO KHUNG CHIẾN LƯỢC TRUNG HẠN CỦA
ỦY BAN HẢI DƯƠNG HỌC LIÊN CHÍNH PHỦ**

Nguyễn Tác An, Bùi Hồng Long
UBQG về Hải dương học, Việt Nam

Tóm tắt: Việt Nam là một trong 40 quốc gia đầu tiên thông qua nghị quyết “Thành lập Ủy ban Hải dương học Liên Chính phủ (IOC) thuộc UNESCO” vào năm 1960. Trong 50 năm qua, Ủy ban quốc gia IOC Việt Nam đã thực hiện chức năng tư vấn và đóng vai trò đầu mối thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường liên quan đến biển và đại dương ở trong nước cũng như ở khu vực và quốc tế. Báo cáo tập trung phân tích, giới thiệu, trao đổi một số nội dung, nhiệm vụ và sản phẩm dự kiến trong việc lồng ghép các nhiệm vụ nghiên cứu biển của Việt Nam vào khung chiến lược trung hạn của IOC, đặc biệt là việc liên kết, phối hợp với các chương trình nghiên cứu khu vực Tây Thái Bình Dương (IOC/WESTPAC) trong những năm tới, bao gồm: 1) Giảm nhẹ những tác động do sự biến đổi khí hậu toàn cầu và thích ứng; 2) Cảnh báo và giảm thiểu tác hại của thiên tai; 3) Giữ gìn sức khỏe của các hệ sinh thái đại dương và 4) Xây dựng thể thức và chính sách phục vụ quản lý bền vững môi trường, tài nguyên vùng ven bờ, vùng biển và đại dương. Việc lồng ghép các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai, điều tra trên Biển Đông của Việt Nam vào 4 nhiệm vụ chiến lược trung hạn của Ủy ban Hải dương học Liên chính phủ (IOC) không chỉ mang lại những giá trị thực tiễn, mà còn tạo ra vị thế, nâng cao tầm vóc, uy tín của Việt Nam trong nghiên cứu hải dương học ở khu vực và quốc tế. Có thể coi đây là một trong những nội dung quan trọng của chính sách quốc gia về biển.

Từ khóa: *Chương trình nghiên cứu, Chiến lược trung hạn, IOC, Viet Nam*

**MAINSTREAMING VIETNAM MARINE RESEARCH ACTIVITIES
AND PROGRAMS INTO IOC MEDIUM-TERM STRATEGIC
FRAMEWORK**

Nguyen Tac An, Bui Hong Long
IOC Viet Nam

Tóm tắt: Vietnam is one of the first 40 nations adopted the UNESCO’s resolution 2. 31 to establish the Intergovernmental Oceanographic Commission (IOC) in 1960. During the past 50 years, IOC Vietnam has consulted and been the focal point to cooperate and promote national, regional and international marine scientific, technological and environmental research activities. This paper analyses, introduces and discusses some national missions and targeted programs on marine research and their

expected outcomes to be integrated into IOC medium-term strategies, especially under the co-operation with IOC/WESTPAC research programs in years to come: 1) Mitigation of the impacts of and adaptation to climate change; 2) Prevention and reduction of the impacts of natural hazards; 3) Safeguarding the health of ocean ecosystems; 4) Management procedures and policies for a sustainable coastal and ocean environment and resources

The combination and mainstreaming of Vietnam marine research activities and programs into IOC four medium-term strategies not only bring practical values, but also enhance Vietnam's position, stature and prestige in the regional and international oceanographic research circles, which can be regarded as one of the important contents in the national marine policy.

Key words: *Research programs, Medium-Strategy, IOC, Viet Nam,*

Việt Nam là một trong 40 quốc gia đầu tiên thông qua nghị quyết “Thành lập Ủy ban Hải dương học Liên chính phủ (IOC) thuộc UNESCO” vào năm 1960. Đây là tổ chức quốc tế về hợp tác nghiên cứu biển và đại dương lớn nhất hành tinh, là tổ chức về Hải dương học chuyên trách duy nhất của Liên hiệp quốc, có mục tiêu thúc đẩy sự hợp tác quốc tế, phối hợp tổ chức các chương trình nghiên cứu, các dịch vụ kỹ thuật, giúp đỡ tăng cường tiềm lực, đẩy mạnh sử dụng các kiến thức về hải dương học vào việc quản lý, phát triển biển và đại dương bền vững.

Trong 50 năm qua, IOC Việt Nam đã thực hiện chức năng tư vấn và đóng vai trò đầu mối thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường liên quan đến biển và đại dương ở trong nước cũng như ở khu vực và quốc tế.

Báo cáo tập trung phân tích, giới thiệu, trao đổi, thảo luận về một số đặc điểm cơ bản về nhận thức mới trong khai thác, quản lý biển và đại dương, về kết quả thực hiện các chức năng, chương trình khoa học, dịch vụ của IOC Việt Nam và đề xuất một số nội dung, nhiệm vụ và sản phẩm dự kiến trong việc lồng ghép các nhiệm vụ nghiên cứu biển của Việt Nam vào khung chiến lược trung hạn của IOC, đặc biệt là việc liên kết, phối hợp với các chương trình nghiên cứu khu vực Tây Thái Bình Dương (IOC/WESTPAC). Đó là những tiền đề, cơ hội để Việt Nam thực hiện thắng lợi chiến lược biển, góp phần xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh trong những năm tới.

1. Nhu cầu và thách thức trong việc tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế để triển khai nghiên cứu khoa học và công nghệ ở Biển Đông

1.1. Nhu cầu triển khai và thực hiện chiến lược biển đòi hỏi phải thúc đẩy, tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ ở Biển Đông

Những nhận thức đặc trưng mang tính thời đại về biển và đại dương, cho thấy vai trò về biển và đại dương càng ngày càng lớn mạnh trong phát triển. Khác với phát triển trên lục địa, trên đất liền mang tính hướng nội, phát triển trên biển và đại dương đòi hỏi tư duy mở, coi trao đổi, thương mại là gốc rễ, là căn nguyên để phát triển. Trước đây, khai thác biển theo tư duy “nông nghiệp”, coi tài nguyên sinh

vật, khoáng sản là sản vật quý giá bảo đảm cho sự phát triển, phát triển kinh tế biển chẳng qua là sự “tiếp diễn của nền kinh tế nông nghiệp trên mặt nước đại dương”. Mục đích khai thác biển hiện đại là để thịnh vượng, giàu có theo phương thức hòa bình, tránh xung đột, cướp bóc, lấn chiếm vùng bờ biển, thiết lập môi trường ổn định thế giới lâu dài. Các cường quốc, các nước có biển để xây dựng những chiến lược, chính sách nhằm khai thác tối đa vùng biển và đại dương. Nhận thức mới về biển, bắt buộc các quốc gia phải chủ động, tiếp thu những thành quả văn minh của các nước trên thế giới về biển, kết hợp mục tiêu phát triển với nhu cầu hiện thực của đất nước, tính đến tình hình cơ bản của thế giới, xác định rõ và xây dựng chiến lược nghiên cứu phát triển biển lên tầm chiến lược quốc gia.

Chiến lược biển Việt Nam đã thể hiện ý chí của toàn dân tộc trong phát triển và bảo vệ Biển Đông một cách toàn diện, bao gồm các mặt chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự, luật biển và khoa học, công nghệ. Đó là nguyên tắc phát triển biển nhằm giải quyết hài hòa quan hệ giữa đất liền và biển cả, kinh tế và quân sự, trước mắt và lâu dài. Đó là tầm nhìn chỉ đạo xây dựng các kế hoạch khai thác, sử dụng và quản lý không gian, tài nguyên, môi trường biển, ven bờ và hải đảo, là cơ sở để xây dựng chính sách biển và khả năng thực hiện. Đó là phương châm chỉ đạo giáo dục ý thức biển cho toàn dân tộc, là động lực khơi thông năng lực tổng thể trong công cuộc xây dựng Việt Nam thành một quốc gia biển mạnh.

Xây dựng Việt Nam thành quốc gia biển mạnh, Việt Nam không thể chỉ dựa vào các điều kiện tự nhiên và sản phẩm biển ưu thế một cách thụ động như hiện nay, mà phải chủ động xây dựng một nền kinh tế biển tổng hợp, có tính cạnh tranh cao, dựa vào các lợi thế: địa chiến lược, chính trị, kinh tế của Biển Đông (hộp thông tin 1), có tính đến tình hình cơ bản của thế giới, khu vực và hoàn cảnh thực tế của đất nước. Phải có những chính sách biển hợp lý trong phát triển và quản lý biển, đặc biệt là trong xây dựng tiềm lực tài chính, khoa học, công nghệ, quân sự và ngoại giao. Do đó tăng cường hợp tác giữa các nước, phù hợp với lợi ích của Việt Nam, đặc biệt là hợp tác quốc tế về mặt khoa học kỹ công nghệ và bảo vệ môi trường sinh thái là hết sức cần thiết.

1.2. Những thách thức cơ bản trong hợp tác nghiên cứu khoa học, công nghệ ở Biển Đông

Vai trò của Biển Đông càng ngày càng lớn mạnh trong phát triển, không chỉ đối với Việt Nam, với các nước trong khu vực mà còn mang tính toàn cầu. Khai thác và bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông là những nhiệm vụ có nhiều thách thức nhưng có tính thời đại, nhất là trong bối cảnh phức tạp của Biển và Đại dương hiện nay. Riêng đối với các nước xung quanh Biển Đông, trong đó có Việt Nam, Biển Đông có nhiều tiềm năng và các lợi thế về Địa Chiến lược, Chính trị và Kinh tế biển, cho nên, việc khai thác và sử dụng Biển Đông đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề “nóng bỏng” (hộp thông tin 1) và thách thức. Một là Biển Đông là một trong những trung tâm phát triển năng động nhất của thế giới hiện nay. Đây là không gian chiến lược của khu vực Đông Nam Á và thế giới, là vùng biển “nhạy cảm” trong các mối quan hệ quốc tế. Hai là hạn chế về năng lực, nhất là những khó khăn về tài chính, công nghệ, chấp pháp, nên nhiều nước chưa thể triển khai các cơ chế hợp tác quản trị đại dương và biển như mong muốn. Ba là

việc "chính trị hóa" an ninh biển khiến khả năng hợp tác chung trở nên khó khăn hơn. Rõ ràng do chủ quyền quá quan trọng với các nước nên môi trường biển đã không được bảo vệ và phát triển một cách thích đáng. Ví dụ, các nước có thể tăng cường phối hợp nghiên cứu khoa học (trên thực tế, không chỉ trên giấy tờ) trong khi vẫn có thể tiếp tục thương lượng chủ quyền. Nhưng vấn đề này lại không hề đơn giản vì trước hết các quốc gia phải trả lời được các câu hỏi liên quan đến thủ tục như: khu vực hợp tác khai thác ở đâu? Với những đối tác nào? Trong lĩnh vực gì và cơ chế hợp tác ra sao? Bốn là chưa hề tồn tại trên thực tế một mô hình hợp tác nghiên cứu biển hiệu quả, hài hòa các mục tiêu và chính sách giữa các bên liên quan.

Hộp thông tin 1: Một số vấn đề “nóng bỏng” ở Biển Đông (Ian Townsend-Gault, 2011)

1. Biển Đông là một trong những con đường hàng hải quan trọng nhất với hơn một nửa tuyến đường chở dầu của thế giới
2. Các bản đồ mà các tàu lớn hay sử dụng có nhiều lỗi sai
3. Các quốc gia ven biển hoàn toàn thiếu khả năng ứng phó với ô nhiễm và việc tìm kiếm và cứu hộ
4. 595 triệu người phụ thuộc vào Biển Đông với 80% lượng protein cần mỗi ngày
6. Đánh bắt cá hầu như không được kiểm soát ở một vài khu vực (và kỹ thuật đánh bắt cá bất hợp pháp xảy ra ở khắp nơi)
7. Các hệ thống đá ngầm bị phá hủy do đánh cá bất hợp pháp và xây dựng các đảo nhân tạo
8. Sự đa dạng sinh học của biển có giá trị vô cùng to lớn: nó cung cấp ¼ lượng năng suất sinh học sơ cấp toàn đại dương.
9. Tất cả các cuộc đàm phán về trữ lượng dầu khổng lồ sẽ chỉ nhằm mục đích đầu cơ.
10. Khủng hoảng môi trường, sinh thái và an ninh con người là nguy cơ tiềm ẩn.

2. Một số kết quả tiêu biểu thực hiện chức năng của IOC Việt Nam trong triển khai các nhiệm vụ và chương trình nghiên cứu hải dương học ở Việt Nam trong những năm gần đây

2.1. Thực hiện vai trò đầu mối quốc gia trong triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học, dịch vụ, kỹ thuật, quan trắc biển, các hải đảo và vùng ven bờ

Ngay trong những năm 80 của thế kỷ XX, trong chương trình "*Thiết lập hệ thống trạm đo mực nước toàn cầu*" (GLOSS), IOC Việt Nam, với sự tham gia của các cơ quan: Khí tượng Thủy văn, Ban Biên giới... đã đề xuất 3 trạm trong vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam, gồm trạm Quy Nhơn - nằm ở vùng ven bờ, 2 trạm ở Trường Sa và Hoàng Sa nằm ở vùng khơi, ứng với hai trạm khí tượng của Việt Nam đã được xây dựng từ những năm 1949. Trạm Quy Nhơn (số hiệu 75) đã

được xếp vào loại 1, được sự hỗ trợ của IOC, Ấn Độ đã cung cấp một máy đo mực nước, hoạt động trong khuôn khổ chương trình GLOSS.

IOC VN đã tích cực tham gia chương trình “*Biên vẽ bản đồ độ sâu vùng biển Tây Thái Bình Dương*” (IBCWP). Ngay từ khi khởi đầu, ý thức được ý nghĩa khoa học và chính trị của chương trình, Việt Nam đã chủ động nhận chủ trì các mảnh 3.1; 3.6; 3.11; 3.12 và 3.16, bao phủ hầu hết vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam và một phần Biển Đông. Trong quá trình thực hiện, Ban Biên tập đã có điều chỉnh theo ý kiến của các nước trong khu vực, giao Việt Nam chủ trì 2 mảnh 3.6; 3.11 (đi qua vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa), còn 2 mảnh 3.16; 3.12 chuyển cho Malaysia và Philippin. Mảnh 3.1 Việt Nam có thể phối hợp thực hiện với Trung Quốc (qua vịnh Bắc Bộ). Với sự hợp tác của Cục Bản đồ Nhà nước, Đoàn đo đạc bản đồ Hải quân, Viện Khoa Học & Công nghệ Việt Nam đã hoàn thành biên vẽ các mảnh bản đồ 3.11; 3.6 đúng quy định, đạt chất lượng cao. Sau khi nghiệm thu (1996, 1999), sản phẩm 3.11 và 3.6 đã được trưng bày ở hội thảo về Chương trình IBCWP ở Hàng Châu, Trung Quốc vào các năm 2000 và 2004.

Việt Nam còn tích cực tham gia các chương trình, như “*Tảo gây hại (HABViet)*”, “*Quan trắc các rạn san hô toàn cầu*” (GCRMN), “*Trao đổi dữ liệu hải dương quốc tế*” (IODE), “*Hợp tác khảo sát vịnh Thái Lan*”... Trong ba năm gần đây, 2008-2011, Việt Nam đã tham gia các dự án khu vực IOC/ WESTPAC. Đó là các dự án: “*Nở hoa của tảo gây hại ở vùng Tây Thái Bình Dương*”; “*Viễn thám trong quản lý tổng hợp vùng bờ*”; “*Ứng phó với các nguy cơ ở vùng biển do thay đổi khí hậu vùng Tây Thái Bình Dương*”; “*Trầm tích sông đổ ra Biển Đông*”; “*Đa dạng sinh học vùng biển ven bờ và bảo tồn ở Tây Thái Bình Dương*”; “*Rạn san hô dưới tác động của khí hậu và nhân sinh*”. Có một số dự án đã tiến hành khảo sát thực địa và nghiên cứu tại vùng biển và ven bờ Việt Nam. Các dự án IOC/WESTPAC đã đánh giá cao về sự hợp tác và năng động của các cơ quan quản lý, của UNESCO, của các nhà hải dương học Việt Nam.

2.2. Tổ chức, thúc đẩy các hoạt động tư vấn, truyền thông, đào tạo nguồn lực phục vụ nghiên cứu, điều tra, khai thác, quản lý và phát triển ở Biển Đông.

Hàng năm, cùng với các cơ quan khoa học trong nước, IOC Việt Nam đã đề cử, tạo điều kiện cho cán bộ khoa học về biển tham gia hàng chục các hội nghị, hội thảo khoa học, các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ như các Hội nghị khoa học hải dương học do IOC, IOC/ WESTPAC tổ chức, các lớp đào tạo nghiệp vụ, được các nước thành viên IOC tài trợ kinh phí, như các lớp đào tạo về “*Quản lý dữ liệu biển*”; “*Nâng cao kỹ năng vẽ bản đồ độ sâu*”; “*Mô hình hóa trong nghiên cứu biển*”; “*Sử dụng các thiết bị nghiên cứu, điều tra biển*”; “*Quản lý tổng hợp vùng bờ*”; “*Quy hoạch sử dụng không gian biển và đại dương*”; “*Nghiên cứu quá trình ô nhiễm biển và giải pháp khắc phục*”; “*Các giải pháp thích ứng với tai biến thiên nhiên, nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu*”...

IOC Việt Nam đã tập trung và nỗ lực thực hiện, triển khai công tác tư vấn phát triển, quản lý các ngành kinh tế biển, ứng phó với tai biến thiên nhiên, xử lý ô nhiễm, đáp ứng các nhu cầu của nhà nước, của quốc tế và của các địa phương ven biển. IOC Việt Nam đã phối hợp với sở KHCN Đà Nẵng triển khai có kết quả dự án “*Các giải pháp quản lý phát triển bền vững một số ngành kinh tế biển quan*”

trọng ở thành phố Đà Nẵng”. Đã phối hợp với các tổ chức tư vấn quốc tế và trong nước, khảo sát, nghiên cứu thực tế và đề xuất, tư vấn một số định hướng, giải pháp theo yêu cầu quản lý và phát triển biển, như “Vai trò Đa dạng sinh học ở nước ngọt và biển trong phát triển bảo tàng tự nhiên ở Việt Nam”; “Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa khoa học và quản lý trong tiếp cận quản lý tổng hợp đới bờ ở Việt Nam”; ”Vấn đề an ninh sinh thái ở Biển Đông”; “Phát triển kinh tế biển xanh lam ở Việt Nam: vấn đề và triển vọng”; “Về xây dựng khu kinh tế biển Mỹ Thủy-Đông Nam Quảng Trị”; “Đánh giá trạng thái và xu thế bền vững trong phát triển kinh tế ở vùng Đông Nam Bộ”; “Hệ thống thông tin địa lý trong phân vùng chức năng và quy hoạch phát triển vùng biển và hải đảo ở bán đảo Cà Mau”; “Đánh giá tác động biên đới khí hậu đới với dải ven bờ Khánh Hòa: những tiếp cận thích ứng và ứng phó”; “Lượng giá những điều kiện nền tảng phát triển kinh tế biển ở Phú Yên”; “Vai trò của các hệ sinh thái và vấn đề kinh tế bảo tồn sinh thái biển, đảo cho sự phát triển bền vững của Quảng Ngãi và miền Trung”; “Đánh giá các giá trị tài nguyên, nguồn lợi và khả năng tự làm sạch của các thủy vực ven biển Nam Trung Bộ”; “Lượng giá những điều kiện nền tảng phát triển kinh tế biển Việt Nam”; “Các giá trị cảnh quan và văn hóa biển trong phát triển kinh tế vùng ven bờ Việt Nam”; “Tổ chức khai thác sử dụng không gian Biển Đông phát triển bền vững”; “Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ khai thác, quản lý Biển Đông trong thời kỳ hội nhập quốc tế”; “Về vấn đề xây dựng Bộ luật Biển, bộ luật quản lý vùng bờ”;...

2.3. Nâng cao vai trò vị thế của Việt Nam trong phát triển hải dương học, dịch vụ, quan trắc biển, hải đảo, vùng bờ và an ninh chủ quyền lãnh hải ở Biển Đông

Trong các hoạt động, IOC Việt Nam đã rất kiên quyết với những vấn đề có tính nguyên tắc về bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Việt Nam. IOC Việt Nam đã có ý kiến, quan điểm rõ ràng về các hoạt động khoa học, dịch vụ, quan trắc trên Biển Đông. Theo tài liệu của GS. Đặng Ngọc Thanh, nguyên Phó Chủ tịch Viện KH&CNVN, nguyên Chủ tịch IOC VN (1986-2002), IOC Việt Nam đã rất kiên quyết phản bác việc đại diện IOC “nước láng giềng”, xuyên tạc Nghị quyết của IOC/UNESCO về thiết lập các trạm đo mực nước trên Biển Đông ở các đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Theo sự chỉ đạo của Chính phủ, ngày 25/4/1988, IOC Việt Nam đã ra tuyên bố vạch trần mưu mô chính trị của phía IOC “láng giềng”, nói rõ là trong kỳ họp thứ 14 của Đại Hội đồng IOC ở Paris không hề có sự “ủy nhiệm” cho “nước láng giềng” xây dựng các trạm đo mực nước ở Hoàng Sa, Trường Sa, và trên thực tế trong hệ thống trạm GLOSS đã được công bố năm 1987, phía “nước láng giềng” chỉ có 4 trạm, không có các trạm ở Hoàng Sa và Trường Sa. IOC Việt Nam đã kịp thời bác trần luận điệu “thiếu trung thực” của “nước láng giềng” trước công luận và cực lực phản đối ý đồ lợi dụng hoạt động khoa học của IOC để thực hiện mưu đồ chính trị, vi phạm tôn chỉ và cương lĩnh của IOC. Về việc chủ trì biên vẽ các mảnh bản đồ độ sâu ở Biển Đông (dự án IBCWP), Việt Nam được quốc tế phân công là nước chủ trì biên vẽ hai mảnh bản đồ độ sâu 3.6 và 3.11. Cho tới nay lập trường về chủ quyền biên vẽ 2 mảnh bản đồ 3.6, 3.11, có thể hợp tác với Trung Quốc về mảnh bản đồ 3.1 vẫn được UBQG IOC Việt Nam kiên trì giữ vững, không thay đổi.

Trong các hoạt động hợp tác, IOC VN cũng đã thể hiện vai trò và vị thế của mình là đại diện của một “Quốc gia biển”. Chính phủ Việt Nam, đã quyết định

IOC VN làm nòng cốt về xây dựng nội dung cũng như đóng góp vào các hoạt động tham gia Năm Quốc tế về đại dương 1998, với chủ đề: “Đại dương-Di sản chung của nhân loại”. Một số hoạt động chủ yếu có sự tham gia hoặc chủ trì của IOC Việt Nam là: tham gia triển lãm đại dương quốc tế EXPO-98 ở Bồ Đào Nha từ tháng 5-10 năm 1998. Phát hành tem Việt Nam hưởng ứng Năm Quốc tế về đại dương. Tổ chức các Hội nghị Khoa học biển toàn quốc lần thứ IV, các Hội thảo khoa học về hải dương học ở Việt Nam. Tổ chức ký “Hiến Chương về Đại dương” do IOC/UNESCO công bố. Các hoạt động của Việt Nam, đặc biệt là gian trưng bày về Việt Nam trong triển lãm EXPO-98 tại Bồ Đào Nha rất được dư luận chú ý và đánh giá cao. VN đã đăng cai tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế về “Tài nguyên môi trường ven biển” (Hà Nội, 1992); Hội nghị Toàn cầu lần thứ 4 về Đại dương, Vùng bờ và Hải đảo (Hà Nội, tháng 4/2008). IOC Việt Nam đã tài trợ và chủ trì hội nghị thường kỳ lần thứ VI của phân ban Tây Thái Bình Dương (IOCWESTPAC-VI) tại Viện Hải dương học, Nha Trang (tháng 5/2005). Được sự đồng ý của Viện KH&CN Việt Nam, IOC Việt Nam đã đăng ký và đã được IOC/WESTPAC chấp nhận vào ngày 29/3/2011 là *nước đăng cai, chủ trì Hội nghị Khoa học Hải dương khu vực Tây Thái Bình Dương, lần thứ IX tại Nha Trang, Việt Nam vào năm 2014.*

IOC Việt Nam đã đón tiếp và làm việc với nhiều đoàn khoa học, công nghệ của các nước thành viên IOC để thỏa thuận các chương trình hợp tác, phát triển các dự án khoa học trong các chương trình của IOC/UNESCO và WESTPAC và đã thảo luận về khả năng xây dựng các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trong khuôn khổ của IOC/UNESCO tại Việt Nam. IOC Việt Nam đã cử đại diện tham gia đầy đủ các phiên họp Đại hội đồng và Ban chấp hành IOC, các phiên họp thường kỳ và các hội thảo khoa học, tập huấn, nâng cao nghiệp vụ.

3. Về việc lồng ghép các nội dung nhiệm vụ nghiên cứu biển của Việt Nam vào chiến lược trung hạn của IOC giai đoạn 2012-2015

Mở rộng hợp tác khu vực và sự tham gia của các quốc gia thành viên IOC bằng cách tăng cường tiềm lực và chuyên gia công nghệ. Hỗ trợ các quốc gia thành viên thực hiện theo các điều khoản của luật biển. Soạn thảo các chương trình nghiên cứu các cơ sở khoa học, thực tiễn và chính sách cần thiết để thích nghi với sự thay đổi khí hậu toàn cầu. Soạn thảo các tiếp cận cho phép nghiên cứu các mối quan hệ giữa quản lý các tài nguyên nước ngọt với quản lý vùng ven bờ. Trước mắt, tập trung nghiên cứu cách tổ chức, lồng ghép 4 nhiệm vụ cơ bản sau:

3.1. Giảm nhẹ những tác động do sự thay đổi và biến động của khí hậu toàn cầu và thích nghi với nó.

Mục tiêu ưu tiên là tập trung nghiên cứu dự báo thay đổi khí hậu, các hiệu ứng đối với xã hội loài người, các giải pháp giảm nhẹ, thích nghi với quá trình thay đổi và chia sẻ thông tin, kết quả.

Các nội dung hoạt động và sản phẩm dự kiến

- Đảm bảo tăng cường nhận thức đầy đủ về vai trò của đại dương đối với sự thay đổi và biến dị của khí hậu. Mở rộng và lôi kéo cộng đồng tham gia

trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học về đại dương, cập nhật những kết quả mới nhất của thế giới về nghiên cứu khí hậu

- Hỗ trợ hoàn thiện hóa quy trình dự báo khí hậu bằng việc tăng cường quan trắc đại dương và nghiên cứu các quá trình ở kích cỡ khu vực và toàn cầu. Bảo đảm sự hợp tác quốc tế và sự tác động của IOC trong chương trình quan trắc đại dương toàn cầu
- Tăng cường nhận thức hiểu biết về hậu quả thay đổi khí hậu đối với đa dạng sinh học và các nguồn lợi sinh vật. Bảo đảm sự tham gia của cộng đồng vào các chương trình nghiên cứu tác động thay đổi khí hậu với các hệ sinh thái, các nguồn lợi sinh vật trong phạm vi khu vực và toàn cầu

Các chương trình ưu tiên

Chương trình ưu tiên: nghiên cứu khí hậu toàn cầu (WCRP), khảo sát khí hậu đại dương (OOPC), dự án phối hợp quốc tế về carbonic trong đại dương (IOCCP), chương trình Axit hóa đại dương (Ocean Acidification), tổ công tác về Vôi hóa San hô của IOC, mạng lưới cảnh báo rạn san hô toàn cầu (GCRMN), chương trình biến động hệ sinh thái đại dương toàn cầu (GLOBEC)... tập trung nghiên cứu dự báo thay đổi khí hậu và các hiệu ứng đối với xã hội loài người và các giải pháp giảm nhẹ và thích nghi với quá trình thay đổi

Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo các tai biến thiên nhiên ở biển và vùng ven bờ trong sự hợp tác chặt chẽ với cộng đồng khu vực và quốc tế, trong khung nhiệm vụ của IOC. Thực hiện giáo dục cộng đồng vùng nhạy cảm, thường bị thiên tai đe dọa về các phương pháp cảnh báo tác hại, khả năng chuẩn bị sẵn sàng ứng phó, giảm thiểu tác hại và thích nghi. Xây dựng quy hoạch phòng tránh, thích nghi và hạn chế tác hại phù hợp và khả thi với điều kiện và nguồn lực của Việt Nam

Liên kết với các chương trình ưu tiên: quản lý tổng hợp vùng bờ (ICAM): tập trung nghiên cứu đề xuất các nguyên tắc chỉ đạo, sử dụng các hoạt động, các kinh nghiệm thực tiễn, xây dựng tiềm lực, tập trung đánh giá rủi ro và các phương pháp cảnh báo, giảm thiểu tác hại của các tai biến đối với vùng bờ trong quá trình quy hoạch và quản lý. Đặc biệt lưu ý đến hiện tượng sóng thần, nước dâng trong bão biển.

3.2. Cảnh báo và giảm thiểu tác hại của thiên tai

Các nội dung hoạt động và sản phẩm dự kiến

- Tạo điều kiện xây dựng các hệ thống tổ hợp và bền vững giám sát, cảnh báo các tai biến thiên nhiên ở biển và vùng ven bờ trong sự hợp tác chặt chẽ, trong trường hợp cần thiết với các cơ quan liên chính phủ trên cơ sở sử dụng các mạng lưới đã hoàn chỉnh ở trên các đại dương và các vùng ven bờ, kể cả các giải pháp đào tạo chuyên gia.
- Phát triển được tiềm lực khu vực và quốc gia đối với hệ thống cảnh báo sóng thần và các hiện tượng tai biến thiên nhiên khác ở vùng ven bờ và hạn chế được tác hại của chúng (phát triển và củng cố hệ thống, mạng lưới các trạm đo địa chấn, giám sát quá trình dâng mực nước biển...)

- Thực hiện giáo dục cộng đồng vùng bị thiên tai đe dọa về các phương pháp cảnh báo tác hại của thiên tai, khả năng chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và giảm thiểu tác hại. Đưa thành nội dung trong các quy hoạch phát triển và quản lý vùng ven bờ biển ở cấp quốc gia liên quan đến việc đánh giá rủi ro và giảm thiểu tác hại.

Các chương trình ưu tiên

Chương trình ưu tiên “quản lý tổng hợp vùng bờ” (ICAM): tập trung nghiên cứu đề xuất các nguyên tắc chỉ đạo, sử dụng các hoạt động, các kinh nghiệm thực tiễn, xây dựng tiềm lực, tập trung đánh giá rủi ro và các phương pháp cảnh báo, giảm thiểu tác hại của các tai biến đối với vùng bờ trong quá trình quy hoạch và quản lý. Đặc biệt lưu ý đến hiện tượng sóng thần, nước dâng trong bão...

3.3. Giữ gìn sức khoẻ của các hệ sinh thái đại dương

Các nội dung hoạt động và sản phẩm dự kiến

- Tích cực hỗ trợ thường xuyên quá trình làm rõ và đánh giá trạng thái môi trường biển toàn cầu.
- Hoàn thành giai đoạn I quá trình làm rõ và đánh giá trạng thái môi trường biển toàn cầu kể cả các hoạt động kinh tế xã hội và chuyển giao kết quả và kiến nghị cho cuộc họp Đại hội đồng Liên hợp quốc vào cuối năm 2009.
- Tiếp tục triển khai khảo sát và giám sát phục vụ cho việc phòng ngừa suy thoái môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và sử dụng bền vững môi trường sống. Tăng cường tiềm lực dự báo và giảm thiểu tác hại của quá trình “nở hoa” của tảo
- Xác định và soạn thảo các phương thức xây dựng và nâng cấp tiềm lực cần thiết cho việc bảo vệ thể chất các hệ sinh thái biển và đại dương, đặc biệt chú ý đến nhu cầu sử dụng trong khu vực. Hình thành các phương thức hợp tác xây dựng tiềm lực cho từng khu vực. Kêu gọi các nhà khoa học trẻ tham gia các hoạt động khoa học được tiến hành trong các vùng biển khơi với nguồn học bổng đào tạo nguồn nhân lực của chương trình

Các chương trình ưu tiên

Chương trình ưu tiên: báo cáo toàn cầu và đánh giá hiện trạng môi trường, bao gồm các yếu tố kinh tế xã hội (GRAME), chương trình tảo gây hại (HABP), chương trình Sinh thái toàn cầu và hải dương học đối với tảo gây hại (GEOHAB), mạng lưới đa dạng sinh học toàn cầu và nghiên cứu (OSS)... sẽ cung cấp thông tin, các hiệu ứng của các quá trình và ảnh hưởng, xây dựng tiềm lực...

3.4. Xây dựng thể thức và chính sách phục vụ quản lý bền vững môi trường, tài nguyên vùng ven bờ, vùng biển và đại dương

Các nội dung hoạt động và sản phẩm dự kiến

- Mở rộng hợp tác khu vực và sự tham gia của các quốc gia thành viên IOC bằng cách tăng cường tiềm lực và chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ các quốc

gia thành viên thực hiện theo các điều khoản của luật biển. Hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc xem xét về biên giới thềm lục địa

- Hỗ trợ các ngành khoa học liên quan đến quá trình quản lý đại dương và vùng ven bờ. Soạn thảo các chương trình nghiên cứu các cơ sở khoa học, thực tiễn và chính sách cần thiết để thích nghi với sự thay đổi khí hậu toàn cầu. Soạn thảo các tiếp cận, cho phép nghiên cứu các mối quan hệ giữa quản lý các tài nguyên nước ngọt với quản lý vùng ven bờ. Soạn thảo chiến lược quản lý nguồn nước ngầm ven bờ
- Hỗ trợ soạn thảo và sử dụng các phương tiện để ủng hộ việc thông qua các quyết định, cho phép nâng cao hiệu quả của việc quản lý tổng hợp đại dương và vùng ven biển. Số các nước có báo cáo về tình trạng tài nguyên ven bờ theo các thông số được yêu cầu. Soạn thảo phương pháp quy hoạch không gian biển và vùng ven bờ. Số các vùng ven bờ đã được quy hoạch thăm dò.

Các chương trình ưu tiên

Chương trình quản lý tổng hợp sẽ đề xướng các tài liệu hướng dẫn quản lý theo các nguyên lý sinh thái học, các kỹ thuật tổ chức không gian trong quy hoạch phát triển...

Trên cơ sở phân tích hiện trạng quản lý, phát triển và các mục tiêu đặt ra cũng như các thách thức về môi trường nguồn lợi ở vùng biển, chúng tôi muốn trao đổi đề xuất một số nhiệm vụ mang tính lồng ghép giữa các chương trình nghiên cứu biển của Việt Nam vào trong chiến lược hoạt động trung hạn của chương trình hải dương học liên chính phủ giai đoạn 2012-2015, như Quan trắc Biển Đông; Đánh giá động của biến đổi khí hậu đối với các hoạt động kinh tế, xã hội và sức khỏe cộng đồng ven biển Việt Nam và giải pháp thích nghi; Cảnh báo và giảm thiểu tác hại của thiên tai ở Biển Đông và Phát triển Quản lý tổng hợp vùng ven bờ biển Việt Nam.